

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày: 15 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Riêng.

Ông Nguyễn Thanh Màu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS ngày 07/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1977.

2. Bà Huỳnh Thị Cẩm C, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: số C Khu V, Phường L, Quận C, thành phố Cần Thơ (nay là số 368A khu vực Y, Phường C, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Võ Văn N. Địa chỉ: số C đường L, Phường L, quận C, Thành phố Cần Thơ (nay là số C đường L, Phường C, Thành phố Cần Thơ) (theo văn bản ủy quyền ngày 13/7/2024, có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1971 (vắng mặt).

2. Bà Võ Thị Cẩm H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số D đường T, Khóm B, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc

Trăng (nay là số D đường T, Phường S, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2024 của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Văn N trình bày:

Vào năm 2014 vợ chồng ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị Cẩm C có cho vợ chồng ông Nguyễn Công Đ, bà Võ Thị Cẩm H vay tiền để kinh doanh, buôn bán. Vợ chồng ông Đ, bà H có vay vợ chồng ông bà 02 khoản nợ, cụ thể:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 01/08/2014, ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị Cẩm C cho vợ chồng ông Đ, bà H vay 350.000.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng, thời hạn cho vay là 08 tháng (từ 01/08/2014 đến 01/04/2015), thời gian trả lãi tính từ ngày 01/09/2014. Thực hiện theo đúng thỏa thuận, ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị Cẩm C đã giao đầy đủ tiền nhưng khi đến thời hạn trả nợ thì ông Đ, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Sau đó đến tháng 04/2016 thì ông Đ, bà H trả cho ông bà số tiền 150.000.000 đồng. Đến ngày 29/06/2017 thì ông Đ, bà H có lập Tờ cam kết xác nhận còn nợ ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị Cẩm C số tiền 226.000.000 đồng. Theo đó ông Đ, bà H cam kết chậm nhất 09/2017 sẽ trả đủ nợ cho ông bà. Nhưng đến nay ông Đ, bà H không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào mặc dù ông bà đã rất nhiều lần liên hệ nhắc nhở, đôn đốc nhưng ông Đ, bà H cứ hứa hẹn và cố tình không thực hiện thanh toán.

Khoản vay thứ hai: Ngày 10/09/2014, ông Đ, bà H có tiếp tục vay tiền của ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị Cẩm C thêm số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 2% tháng, thời hạn vay là 12 tháng (từ 10/09/2014 – 10/09/2015), thời gian trả lãi tính từ ngày 10/10/2014. Thực hiện theo thỏa thuận ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị Cẩm C đã giao đủ tiền cho ông Đ, bà H. Về phía ông Đ, bà H có trả cho ông bà được 02 tháng: Tháng 10/2014 trả 10.333.000 đồng; tháng 11/2014 trả 10.166.000 đồng. Kể từ đó đến nay ông Đ, bà H không trả thêm bất kỳ khoản tiền nào cho ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị Cẩm C nữa.

Nhận thấy việc vợ chồng ông Đ, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị Cẩm C theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà.

Nay ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị Cẩm C yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Công Đ và bà Võ Thị Cẩm H có trách nhiệm trả nợ cho ông Hoàng A và bà Cẩm C tổng số tiền là: 785.014.000 đồng. Cụ thể:

Theo Tờ cam kết ngày 29/6/2017 tổng số tiền ông Nguyễn Công Đ và bà Võ Thị Cẩm H trả cho ông Hoàng A và bà Cẩm C là 543.032.000 đồng. Trong đó: số tiền nợ gốc là 226.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 317.032.000 đồng tính từ

29/06/2017 đến 29/06/2024 (226.000.000 đồng x 84 tháng x 1,67%/tháng); Đồng thời buộc ông Đ, bà H tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 30/6/2024 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là: 1,67%/tháng.

Theo Hợp đồng vay vốn ngày 10/09/2014 tổng số tiền ông Nguyễn Công Đ và bà Võ Thị Cẩm H trả cho ông Hoàng A và bà Cẩm C là: 241.982.000 đồng. Trong đó: tiền nợ gốc 83.333.000 đồng; và số tiền nợ lãi là 158.649.000 đồng tính từ ngày 10/12/2014 đến ngày 10/6/2024 (83.333.000 đồng x 114 tháng x 1,67%/tháng); Đồng thời buộc ông Đ, bà H tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 30/6/2024 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là: 1,67%/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn cụ thể:

Đối với khoản nợ theo Tờ cam kết ngày 29/6/2017, yêu cầu các bị đơn trả cho các nguyên đơn: nợ gốc: 200.000.000 đồng; nợ lãi tại thời điểm tổng kết ngày 29/6/2017 là 26.000.000 đồng, tổng gốc và lãi là 226.000.000 đồng

Đối với khoản nợ theo Hợp đồng vay vốn ngày 10/9/2014 và bảng theo dõi khoản tiền vay, yêu cầu các bị đơn trả cho các nguyên đơn: nợ gốc: 83.333.000 đồng (đã làm tròn);

Về lãi chậm thực hiện:

Từ ngày 30/6/2017 đến ngày 15/8/2025: 226.000.000 đồng x 0,83%, tính được số tiền 181.952.600 đồng.

Từ ngày 10/12/2014 đến ngày 15/8/2025: 83.333.000 đồng x 0,75 %, tính được số tiền 79.999.680 đồng.

Tổng cộng 226.000.000 đồng + 83.333.000 đồng + 181.952.600 đồng + 79.999.680 đồng = 571.285.280 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Công Đ, bà Võ Thị Cẩm H vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản đối, không có yêu cầu phản tố nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ: về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và buộc các bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời các bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho các bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện căn cứ Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn đã đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh là “Tờ cam kết ngày 29/6/2017” và “Hợp đồng vay vốn ngày 10/9/2014, bảng theo dõi khoản tiền vay ngày 10/9/2014”, bị đơn không phản đối theo quy định khoản 2 Điều 92, Khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Bị đơn ông Nguyễn Công Đ, bà Võ Thị Cẩm H có vay tiền của nguyên đơn 02 lần, lần 1: vào ngày 01/8/2014, các bị đơn có vay của các nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng, đã trả được số tiền gốc 150.000.000 đồng và lãi, đến ngày 29/6/2017 còn nợ số tiền vốn là 200.000.000 đồng, chót nợ lãi là 26.000.000 đồng; cam kết trả trong tháng 9/2017; lần 02: vào ngày 10/9/2014, các bị đơn vay của các nguyên đơn số tiền vay là 100.000.000 đồng, đã trả được 02 lần còn lại số tiền còn nợ: 83.333.333 đồng (nguyên đơn làm tròn là 83.333.000 đồng)

[4] Đối với giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn theo “Tờ cam kết ngày 29/6/2017”. Xét thấy, về hình thức và nội dung thỏa thuận của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự về hợp đồng vay tiền có giá trị pháp lý buộc các bên phải thực hiện, các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn theo quy định Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có cơ sở chấp nhận về nợ gốc. Về nợ lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, từ ngày 30/6/2017 đến ngày 15/8/2025: 226.000.000 đồng x 0,83%, tính được số tiền 181.952.600 đồng, là phù hợp theo quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận

[5] Đối với giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn theo “Hợp đồng vay vốn ngày 10/9/2014” thì về pháp luật áp dụng theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015:

1. Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau:

a) Giao dịch dân sự chưa được thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật này thì chủ thể giao dịch tiếp tục thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11, trừ trường hợp các bên của giao dịch dân sự có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung nội dung, hình thức của giao dịch để phù hợp với Bộ luật này và để áp dụng quy định của Bộ luật này.

Do đó, Bộ luật Dân sự năm 2005 được áp dụng để giải quyết: Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận với nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ về nợ gốc theo quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005 là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận. Về lãi suất: Từ ngày 10/12/2014 đến ngày 15/8/2025: 83.333.000 đồng x 0,75 %, tính được số tiền 79.999.680 đồng, là phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N1 quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 244; 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 468, điểm a Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N1 quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng A, bà Huỳnh Thị Cẩm C.

Buộc ông Nguyễn Công Đ và bà Võ Thị Cẩm H trả cho ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị Cẩm C tổng số tiền là 571.285.280 đồng (*Năm trăm bảy mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi đồng*) theo Tờ cam kết ngày 29/6/2017 và Hợp đồng vay vốn ngày 10/9/2014.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả lãi cho người có quyền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị Cẩm C số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 17.700.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000171 ngày 25/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – Cần Thơ).

Buộc bị đơn ông Nguyễn Công Đ và bà Võ Thị Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 26.851.411 đồng (*Hai mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn, bốn trăm mười một đồng*)

3/. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 5 – Cần Thơ;
- Phòng THA dân sự Khu vực 5 – Cần Thơ;
- TAND Thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Văn Như